

KINH TRƯỜNG A HÀM

Hán Dịch: Phật Đà Da Xá - Trúc Phật Niệm
Việt dịch: Thích Tuệ Sỹ

PHẦN I

1. KINH ĐẠI BẢN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở động Hoa lâm vườn cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi khát thực, tụ họp ở Hoa lâm đường, cùng nhau bàn luận rằng:

“Các Hiền giả Tỳ-kheo, duy chỉ Đấng Vô Thượng Tôn, rất kỳ diệu, oai lực lớn lao, thần thông viễn đạt, mới biết rõ quá khứ vô số Đức Phật nhập Niết-bàn, dứt sạch các kết sử, tiêu diệt các hý luận và cũng biết rõ kiếp số các Đức Phật ấy dài hay ngắn, cho đến danh hiệu, dòng họ thác sinh, sự ăn uống, thọ mạng dài ngắn, cảm thọ lạc và cảm thọ khổ như thế nào ; lại biết rõ các Đức Phật ấy có giới như vậy, có pháp như vậy, có trí tuệ như vậy, có giải thoát như vậy, an trụ như vậy. Thế nào, này chư Hiền? Đó là do Đức Như Lai thông rõ các pháp tính mà biết được hay do chư Thiên kể lại?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở chỗ thanh vắng, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe rõ các Tỳ-kheo luận bàn như thế, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa lâm đường, ngồi vào chỗ ngồi dọn sẵn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tuy đã biết nhưng vẫn hỏi:

“Này chư Tỳ-kheo, các người tụ tập nơi đây bàn luận chuyện gì?”

Các Tỳ-kheo bèn đem hết mọi việc bạch lại với Phật. Rồi thì, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Lành thay, lành thay! Các người đã với tâm chánh tín xuất gia học đạo, nên làm hai việc: một là nói năng theo pháp Hiền thánh, hai là im lặng theo pháp Hiền thánh. Những điều các người luận bàn phải nên như thế. Như Lai thần thông oai lực lớn lao, biết khắp mọi việc từ vô số kiếp quá khứ, như thế là do thông rõ các pháp tính, đồng thời cũng do chư Thiên nói lại.”

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

Tỳ-kheo họp pháp đường
Giảng luận pháp Hiền thánh.
Như Lai từ am vắng
Nghe rõ bằng thiên nhĩ.
Mặt trời Phật rọi khắp,
Phân tích nghĩa pháp giới.

Cũng biết việc quá khứ,
Chư Phật Bát-niết-bàn,
Tên, dòng họ, chủng tộc.
Cũng biết thọ sanh phần.
Vị ấy ở nơi nào,
Ghi nhận bằng tịnh nhãn.
Chư Thiên uy lực lớn,
Dung mạo rất đoan nghiêm,
Cũng đến bảm báo Ta
Chư Phật Bát-niết-bàn,
Chỗ sinh, tên, chủng tộc
Âm thanh vi diệu tỏ.
Đấng Chí Tôn trong đời
Biết rõ Phật quá khứ.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Các ngươi có muốn Như Lai, bằng trí túc mạng biết nhân duyên của chư Phật quá khứ, nói cho nghe chăng?”

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính là lúc. Chúng con muốn nghe. Lành thay, Thế Tôn, lúc này thích hợp để giảng thuyết. Chúng con phụng hành”.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, hãy suy gẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các ngươi nghe”.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe.

Phật nói:

“Này các Tỳ-kheo! Quá khứ cách đây chín mươi một kiếp có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi , Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, trong quá khứ cách đây ba mươi một kiếp có Đức Phật hiệu là Thi-khí, Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, cũng trong ba mươi một kiếp đó có Đức Phật hiệu là Tỳ-xá-bà Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, trong hiện kiếp này có Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp. Ta nay cũng ở trong hiện kiếp này mà thành Tối chánh giác.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:
Qua chín mươi một kiếp
Có Phật Tỳ-bà-thi.
Ba mươi một kiếp kế
Có Phật hiệu Thi-khí.
Cũng ở trong kiếp này,
Xuất hiện Phật Tỳ-xá.
Nay trong Hiền kiếp này,
Vô số na-duy tuổi,
Có bốn Đại Tiên Nhân,
Xuất hiện vì thương đời:
Câu-lưu-tôn, Na-hàm,
Ca-diếp, Thích-ca Văn.

“Các người nên biết, thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, nhân loại sống đến tám vạn tuổi; thời Đức Phật Thi-khí, nhân loại sống đến bảy vạn tuổi; thời Đức Phật Tỳ-xá-bà, nhân loại sống đến sáu vạn tuổi; thời Đức Phật Câu-lưu-tôn, nhân loại sống đến bốn vạn tuổi; thời Đức Phật Câu-na-hàm, nhân loại sống đến ba vạn tuổi; thời Đức Phật Ca-diếp, nhân loại sống đến hai vạn tuổi và nay Ta ra đời, nhân loại sống đến một trăm tuổi, tăng thì ít mà giảm thì nhiều.”

Rồi Phật nói bài tụng:

Người thời Tỳ-bà-thi,
Thọ tám vạn bốn ngàn,
Người thời Phật Thi-khí
Thọ mạng bảy vạn tuổi.
Người thời Tỳ-xá-bà
Thọ mạng sáu vạn tuổi.
Người thời Câu-lưu-tôn
Thọ mạng bốn vạn tuổi.
Người thời Câu-na-hàm
Thọ mạng ba vạn tuổi.
Người thời Phật Ca-diếp
Thọ mạng hai vạn tuổi.
Người thời Ta hiện nay
Tuổi thọ không quá trăm.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi sinh về dòng Sát-ly, họ Câu-ly-nhã . Phật Thi-khí và Phật Tỳ-xá-bà, dòng họ cũng vậy. Phật Câu-lưu-tôn sinh về dòng Bà-la-môn họ Ca-diếp. Phật Câu-na-hàm, Phật Ca-diếp, dòng họ cũng vậy. Còn nay Ta, Như Lai, Chí Chân thì sinh về dòng Sát-ly, họ Cù-đàm “. ”

Phật lại nói bài tụng:

Tỳ-bà-thi Như Lai,

Thi-khí, Tỳ-xá-bà,
Ba vị Đấng Chánh Giác,
Sinh họ Câu-ly-nhã.
Ba Đức Như Lai kia,
Sinh vào họ Ca-diếp
Ta nay, Bạc Vô Thượng,
Dẫn dắt các chúng sanh,
Bạc nhất trong trời người,
Họ Cù-đam dũng mãnh.
Ba Đấng Chánh Giác đầu,
Sinh vào dòng Sát-ly.
Ba Đức Như Lai sau
Thuộc dòng Bà-la-môn.
Ta nay Đấng Tối Tôn,
Dòng Sát-ly dũng mãnh.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cây Ba-ba-la chứng thành Bạc Tối Chánh Giác. Phật Thi-khí ngồi dưới cây Phân-đà-ly, thành Bạc Tối Chánh Giác. Phật Tỳ-xá-bà ngồi dưới cây Sa-la thành Bạc Tối Chánh Giác. Phật Câu-lưu-tôn ngồi dưới cây Thi-ly-sa thành Bạc Chánh Giác. Phật Câu-na-hàm ngồi dưới cây Ô-tạm-bà-la thành Bạc Chánh Giác. Phật Ca-diếp ngồi dưới cây Ni-câu-luật thành Bạc Chánh Giác.

Ta nay, Như Lai, Chí Chân, ngồi dưới cây Bát-đa thành Bạc Chánh Giác”.

Rồi Phật nói bài tụng:

Tỳ-bà-thi Như Lai
Đi đến cây Ba-la
Và ngay tại chỗ ấy
Đắc thành Tối chánh giác.
Thành đạo, dứt nguồn hữu.
Tỳ-xá-bà Như Lai
Ngồi dưới gốc Sa-la
Đắc giải thoát tri kiến.
Thần túc không trở ngại,
Câu-lưu-tôn Như Lai
Ngồi gốc Thi-ly-sa
Vô nhiễm, vô sở trước.
Câu-na-hàm Mâu-ni
Ngồi dưới gốc Ô-tạm
Và ngay tại chỗ ấy
Diệt các tham, ưu não.
Đức Ca-diếp Như Lai
Ngồi dưới Ni-câu-luật

Và ngay tại chỗ ấy
Trừ diệt gốc rễ hữu.
Ta nay, Thích-ca Văn
Ngồi dưới cây Bát-đà
Đấng Như Lai, mùi lục,
Đoạn diệt các kết sử,
Hàng phục đám ma oán,
Diễn ánh sáng giữa chúng.
Bảy Phật, sức tinh tấn,
Phóng quang, diệt tâm tối;
Mỗi mỗi ngồi góc cây,
Ở đó thành Chánh giác.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có ba hội thuyết pháp: hội đầu có mười sáu vạn tám ngàn đệ tử; hội hai có mười vạn đệ tử; hội ba có tám vạn đệ tử. Phật Thi-khí cũng có ba hội thuyết pháp: hội đầu có mười vạn đệ tử; hội thứ hai có tám vạn đệ tử; hội thứ ba có bảy vạn đệ tử. Phật Tỳ-xá-bà có hai hội thuyết pháp: hội đầu có bảy vạn đệ tử; hội thứ hai có sáu vạn đệ tử. Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử bốn vạn người. Đức Câu-na-hàm Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử ba vạn người. Đức Ca-diếp Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử hai vạn người. Ta nay một hội thuyết pháp, đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người”.

Bấy giờ Phật nói bài tụng rằng:

Tỳ-bà-thi tên Quán,
Trí tuệ không thể lường,
Thấy khắp, không sợ hãi,
Ba hội chúng đệ tử.
Thi-khí, sáng, bất động,
Diệt trừ các kiết sử,
Vô lượng đại oai đức,
Không thể trắc lượng được,
Ngài cũng có ba hội,
Tụ hội các đệ tử.
Tỳ-xá-bà đoạn kết,
Đấng Đại Tiên tụ hội,
Tiếng tăm khắp các phương,
Pháp màu được tán thán;
Chúng đệ tử hai hội,
Diễn rộng nghĩa thâm áo.
Câu-lưu-tôn một hội,
Thương xót trị các khổ,
Đạo Sư dạy chúng sanh,
Chúng đệ tử một hội.
Câu-na-hàm Như Lai,

Bậc Vô Thượng cũng vậy,
Thân sắc vàng ròng tía,
Dung mạo thủy toàn hảo,
Chúng đệ tử một hội,
Rộng diễn pháp nhiệm màu.
Ca-diếp, mỗi sợi lông,
Nhất tâm không loạn tưởng,
Một lời không phiền trọng,
Chúng đệ tử một hội.
Năng Nhân Ý Tịch Diệt,
Ta, Sa-môn họ Thích,
Chí Tôn, Trừ trên Trời,
Có một hội đệ tử;
Hội ấy, Ta hiện nghĩa,
Quảng diễn giáo thanh tịnh.
Trong tâm thường hoan hỷ,
Lậu tận, không tái sinh,
Tỳ-bà, Thi-khí, ba;
Phật Tỳ-xá-bà, hai;
Bốn Phật mỗi vị một
Hội Tiên nhân diễn thuyết.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có hai đệ tử là Khiên-trà và Đề-xá. Đức Phật Thi-khí có hai đệ tử là A-tỳ-phù và Tam-bà-bà. Phật Tỳ-xá-bà có hai đệ tử là Phò-du và Uất-đa-ma. Phật Câu-lưu-tôn có hai đệ tử là Tát-ni và Tỳ-lâu. Đức Phật Câu-na-hàm có hai đệ tử là Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu. Đức Phật Ca-diếp có hai đệ tử là Đề-xá và Bà-la-bà. Còn nay Ta có hai đệ tử là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Khiên-trà và Đề-xá
Đệ tử Tỳ-bà-thi.
A-tỳ-phù, Tam-bà,
Đệ tử Phật Thi-khí.
Phò-du, Uất-đa-ma,
Bậc nhất hàng đệ tử.
Cả hai hàng ma oán,
Đệ tử Tỳ-xá-bà.
Tát-ni và Tỳ-lâu,
Đệ tử Câu-lưu-tôn.
Thư-bàn, Uất-đa-lâu,
Đệ tử Câu-na-hàm.
Đề-xá, Bà-la-bà,
Đệ tử Phật Ca-diếp.
Xá-lợi-phất, Mục-liên,

Bậc nhất đệ tử Ta.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử chấp sự là Vô Ưu ; Phật Thi-khí có vị đệ tử chấp sự là Nhân Hành ; Phật Tỳ-xá-bà có vị đệ tử chấp sự là Tịch Diệt ; Phật Câu-lưu-tôn có vị đệ tử chấp sự là Thiện Giác ; Phật Câu-na-hàm có vị đệ tử chấp sự là An Hòa ; Phật Ca-diếp có vị đệ tử chấp sự là Thiện Hữu ; còn Ta có vị đệ tử chấp sự là A-nan “.”

Vô Ưu và Nhân Hành,
Tịch Diệt và Thiện Giác,
An Hòa và Thiện Hữu
Thứ bảy là A-nan.
Ày là thị giả Phật
Đây đủ các nghĩa thú;
Ngày đêm không buông lung.
Bảy Thánh đệ tử ấy
Hầu tả hữu bảy Phật
Hoan hỷ và cúng dường,
Tịch nhiên vào diệt độ.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương Ưng. Phật Thi-khí có con tên Vô Lượng. Tỳ-xá-bà có con tên Diệu Giác. Câu-lưu-tôn có con tên Thượng Thắng. Câu-na-hàm có con tên Đạo Sư. Ca-diếp có con tên Tập Quân. Ta nay có con tên là La-hầu-la “.”

Phật lại nói bài tụng:

Phương Ưng và Vô Lượng,
Diệu Giác và Thượng Thắng,
Đạo Sư và Tập Quân,
Thứ bảy La-hầu-la.
Các con hào quý ấy
Nói dối hạt giống Phật;
Yêu Pháp, ưa bỏ thí,
Trong Thánh pháp, vô úy.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có cha tên Bàn-đầu, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Bàn-đầu-bà-đề. Quốc thành của vua trị tên là Bàn-đầu-bà-đề “.”

Phật bèn nói bài tụng:

Biển Nhãn, cha Bàn-đầu,
Mẹ Bàn-đầu-bà-đề.
Thành Bàn-đầu-bà-đề,
Phật thuyết pháp trong đó.

“Đức Phật Thi-khí có cha tên Minh Tướng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Quang Diệu; quốc thành vua cai trị tên là Quang tướng “.”

Phật lại nói tụng:

Thi-khí, cha Minh Tướng,
Mẹ tên gọi Quang Diệu;
Ở trong thành Quang tướng,
Uy đức đẹp ngoại địch.

“Đức Phật Tỳ-xá-bà có cha tên Thiện Đăng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Xung Giới, quốc thành vua cai trị tên Vô dụ “.”

Phật nói tụng:

Cha Phật Tỳ-xá-bà,
Vua Sát-ly Thiện Đăng;
Mẹ tên gọi Xung Giới;
Quốc thành tên Vô dụ.

“Đức Phật Câu-lưu-tôn có cha tên Tụ Đắc, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Chi; vua tên An Hòa và quốc thành cũng theo đó mà có tên là An hòa”.”

Bà-la-môn Tụ Đắc,
Mẹ tên gọi Thiện Chi.
Vua tên là An Hòa,
Cai trị thành An hòa.

“Đức Phật Câu-na-hàm có cha tên Đại Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Thắng, vua tên Thanh Tịnh và quốc thành này cũng theo đó mà có tên là Thanh tịnh “.”

Bà-la-môn Đại Đức,
Mẹ tên là Thiện Thắng;
Vua tên là Thanh Tịnh,
Ở trong thành Thanh tịnh.

“Đức Phật Ca-diếp có cha tên Phạm Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Tài Chủ; vua thời đó tên Cấp-tỳ, trị vì quốc thành tên Ba-la-nại.”

Bà-la-môn Phạm Đức,
Mẹ tên là Tài Chủ;
Thời vua tên Cấp-tỳ,
Trị thành Ba-la-nại.

“Còn Ta có thân phụ tên là Tịnh Phạn dòng vua Sát-ly, mẹ tên Đại Thanh Tịnh Diệu ; trị sở thành của vua là Ca-tỳ-la-vệ”.

Cha, Sát-ly Tịnh Phạn,
Mẹ tên Đại Thanh Tịnh;
Đất rộng, dân sung túc;
Ta sinh ra ở đó.

“Đó là nhân duyên, danh hiệu, chủng tộc và chỗ xuất sinh của chư Phật. Kẻ trí nào nghe đến nhân duyên đó mà không vui mừng sinh tâm ưa muốn!”

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Nay Ta muốn, bằng Túc mạng trí, sẽ nói về sự tích của chư Phật quá khứ. Các thầy muốn nghe không?”

Các Tỳ-kheo trả lời:

“Nay thật đúng lúc. Chúng con muốn nghe”.

Phật nói:

“Này các Tỳ-kheo, hãy nghe kỹ, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các thầy.

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật.

“Đức Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, do hông phải mà vào, chánh niệm không tán loạn. Ngay lúc ấy cõi đất rung chuyển; ánh sáng rực rỡ soi khắp thế gian; những chỗ mặt trời mặt trăng không soi tới cũng đều mong nhờ chiếu sáng. Chúng sanh chôn u minh nhờ đó được trông thấy lẫn nhau và tự biết mình hiện đang sinh ở chỗ nào. Ánh quang minh đó lại soi đến cung điện Ma vương. Phạm thiên, Đế Thích, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác, cũng đều được mong nhờ ánh sáng. Ánh sáng của chư Thiên tự nhiên biến mất”.

Rồi Phật nói bài tụng:

Mây dày kín hư không,
Ánh chớp chiếu thiên hạ;
Tỳ-bà-thi giáng thai,
Ánh sáng chiếu cũng vậy.
Chỗ nhật nguyệt không tới,
Thấy đều được chiếu sáng,
Thai thanh tịnh, vô nhiễm,
Pháp chư Phật đều vậy.

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật. Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc ở thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị Thiên thần tay cầm qua mâu, hộ vệ cho mẹ ngài, dẫn loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm. Đó là pháp thường”.

Rồi Phật nói bài tụng:

Bốn phương bốn Thiên thần,
Có tiếng tăm, uy đức,
Thiên Đế Thích sai khiến,
Khéo thủ hộ Bồ-tát.
Tay thường cầm qua mâu,
Hộ vệ không chút rời.
Nhân, phi nhân không hại;
Ày pháp thường chư Phật.
Được chư Thiên hộ vệ,
Như Thiên nữ hầu Trời,
Quyền thuộc đều hoan hỷ,
Ày pháp thường chư Phật.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, đây là pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến thân mẹ được an ổn, không có các nã loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-tát đủ các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tỳ tích, khác nào kẻ có mắt sáng, xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt cả trong ngoài không chút ngăn ngại. Này các Tỳ-kheo, đó là pháp thường của chư Phật”.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Như ngọc lưu ly sáng,
Ánh sáng như trời trăng,
Nhân Tôn trong thai mẹ,
Khiến mẹ không nã hoạn.
Trí tuệ càng tăng thêm,
Xem thai như vàng ròng;
Mẹ mang thai an lạc,
Ày pháp thường chư Phật.

“Này các Tỳ-kheo, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Ày là pháp thường của chư Phật”.

Thế Tôn lại nói bài kệ:

Bồ-tát trụ thai mẹ;

Phước trời trên cõi trời;
Tâm mẹ ngài thanh tịnh,
Không có các dục tướng.
Dứt bỏ các dâm dục,
Không nhiễm, không gàn gỏi,
Không bị lửa dục thiêu,
Mẹ chư Phật thường tịnh.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến mẹ ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mệnh chung, được sanh cõi trời Đạo-lợi. Ấy là pháp thường của chư Phật”.

Bảy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

Hoài thai Đấng Chí Tôn,
Tinh tấn, Giới đầy đủ,
Mạng chung lại sinh thiên;
Duyên ấy, nói mẹ Phật.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh từ hông phải của mẹ mà ra, cõi đất rung động, ánh sáng chiếu khắp nơi. Khi mới vào thai, những chỗ tối tăm thấy đều được chiếu sáng. Ấy là pháp thường của chư Phật”.

Thái tử sinh, đất động,
Ánh sáng rọi khắp nơi,
Cõi này và cõi khác,
Trên dưới và các phương.
Phóng quang, cho mắt sáng,
Trọn đủ nơi thân trời,
Bằng tịnh tâm hoan hỷ,
Chuyển xưng tên Bồ-tát.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Khi ấy mẹ Bồ-tát tay vịn cành cây, không ngồi không nằm, có bốn Thiên thần bưng nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: “Tâu Thiên mẫu, nay ngài sanh Thánh tử, chớ có ưu lo. Đó là pháp thường của chư Phật.”

Mẹ Phật không nằm, ngồi;
Trụ giới, tu phạm hạnh;
Không lười; sinh Chí Tôn,
Được trời người phụng thờ.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng, liêng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau, vì cả hai đều sạch. Bồ-tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật”.

Như minh châu sáng sạch,
Trên lụa, không vấy bẩn;
Bồ-tát khi xuất thai,
Thanh tịnh, không nhiễm ô.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi đưa tay lên nói rằng: Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý, Ta sẽ cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh, chết. Ấy là pháp thường của chư Phật”.

Giống như sư tử bước,
Ngó khắp cả bốn phương;
Nhân Sư Tử khi sanh,
Đi bảy bước cũng thế.
Lại như rồng lớn đi,
Khắp ngó cả bốn phương,
Đấng Nhân Long khi sanh,
Đi bảy bước cũng thế.
Khi Đấng Lương Túc sanh,
Đi thông thả bảy bước,
Ngó bốn phương rồi nói.:
Sẽ dứt khổ sinh tử.
Ngay lúc mới sanh ra,
Đã không ai sánh bằng,
Tự xét gốc sinh tử,
Thân này thân tối hậu.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, tức thì có hai suối nước, một ấm, một mát, tự nhiên ở dưới đất tuôn ra, để cúng dường tắm rửa cho Bồ-tát. Đó là pháp thường của chư Phật”.

Đấng Lương Túc khi sinh,
Hai suối tự tuôn ra,
Để cúng Bồ-tát dùng;
Biển Nhãn tắm sạch sẽ.
Hai suối tự tuôn ra,
Nước suối rất trong sạch;
Một ấm, một lạnh mát,
Tắm Đấng Nhất Thiết Trí.

“Lúc Thái tử mới sanh, phụ vương Bàn-đầu mời các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng Thái tử để biết sự tốt xấu. Bấy giờ, các tướng sư vâng lệnh đến xem và ngay trước khi chưa mặc áo, họ nhìn rõ các tướng đầy đủ. Bèn đoán rằng: “Người có tướng này sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thi ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay dẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo, thì sẽ thành Bạc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu.”

Rồi các tướng sư tâu vua:

“Con trai của đức vua có ba mươi hai tướng, sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia sẽ là vị Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia sẽ thành Bạc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu.”

Thái tử trăm phước sinh,
Được tướng sư ghi nhận,
Như chép trong điển sách,
Chắc chắn theo hai đường.
Nếu ngài vui tại gia,
Sẽ làm Chuyển luân vương
Được bảy báu hiếm có,
Báu tự hiện cho vua.
Bánh xe vàng ngàn cãm,
Với lưới vàng bao quanh,
Bánh xe hay bay khắp,
Nên gọi bánh xe trời.
Khéo luyện voi bảy ngà,
Cao lớn trắng như tuyết,
Khéo bay qua hư không,
Voi báu là thứ hai.
Ngựa đi khắp thiên hạ,
Sớm đi chiều về ăn,
Lông đỏ, bờm khổng tước,
Là báu vật thứ ba.
Ngọc lưu ly trong sáng,
Chiếu rọi một do-tuần,
Đêm sáng như ban ngày,
Là báu vật thứ tư.
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Không ai có thể sánh,
Bạc nhất hàng nữ nhân;
Đó là báu thứ năm.
Hiển vua ngọc lưu ly,

Châu ngọc các thứ quý,
Hoan hỷ mà phụng công,
Đó là báu thứ sáu.
Theo ý niệm Luân vương,
Quân binh tiến thoái nhanh,
Nhậm lệ theo ý vua,
Đó là báu thứ bảy.
Đó là bảy báu vật,
Bánh xe, voi, ngựa trắng,
Cư sĩ báu, nữ báu,
Quân binh báu thứ bảy;
Nhìn xem mà không chán,
Ngũ dục tự vui đùa,
Như voi bứt dây trói,
Xuất gia thành Chánh giác.
Vua có con như thế,
Đáng Lưỡng Túc loài người,
Ở đời Chuyên Pháp luân,
Đạo thành không biếng nhác.

“Lúc bấy giờ, Phụ vương ân cần hỏi lại tướng sư ba lần: Các người hãy xem lại ba mươi hai tướng của Thái tử là những gì? Các tướng sư bèn khoác áo lại cho Thái tử và kể rõ ba mươi hai tướng:

1. Bàn chân bằng phẳng đầy đặn, đi đứng vững vàng.
2. Dưới bàn chân có dấu chỉ như bánh xe có ngàn căm, ánh sáng xen nhau.
3. Có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như chân ngỗng chúa.
4. Tay chân mềm mại như áo trời.
5. Ngón tay chân thon dài không ai bằng.
6. Gót chân đầy đặn trông không chán.
7. Ống chân thon dài như cửa nai.
8. Các khớp xương móc lấy nhau như xích chuyền.
9. Mã âm tàng.
10. Đứng thẳng tay duỗi dài quá gối.
11. Mỗi chân lông đều có một sợi lông. Sợi lông ấy xoáy hữu, màu lưu ly xanh biếc.
12. Lông mọc xoay phía hữu, màu xanh biếc thẳng lên.
13. Thân sắc huỳnh kim.
14. Da thịt mịn màng không dính bụi nhơ.
15. Hai vai ngang bằng đầy đặn tròn đẹp.
16. Giữa ngực có chữ vạn.
17. Thân cao gấp đôi người thường.
18. Bảy chỗ trong người đầy đặn.
19. Minh cao to lớn như cây Ni-câu-lô.
20. Hai má như sư tử.

21. Ngực vuông đầy như ngực sư tử.
22. Có bốn mươi cái răng.
23. Răng ngang bằng đầy đặn.
24. Răng khít nhau không hở.
25. Răng trắng, trong sáng.
26. Yết hầu thanh sạch, ăn thức gì cũng thích hợp.
27. Lưỡi rộng dài có thể liếm tới mép tai.
28. Tiếng nói trong rõ như tiếng Phạm thiên.
29. Con mắt màu xanh biếc.
30. Mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí.
31. Có lông trắng giữa hai chân mày, mềm mại kéo ra dài một tằm, thả thì xoáy tròn ốc về phía hữu như trôn châu.
32. Trên đỉnh có chỗ thịt nổi.

“Ày là ba mươi hai tướng Đại nhân”.

“Bèn nói bài tụng:

Đứng vững chân mềm mại,
Không dẫm đất, có dấu,
Tướng ngàn cảm trang nghiêm,
Màu sắc rất tươi sáng.
Thân cao rộng ngay thẳng,
Như cây Ni-câu-loại.
Như Lai, chưa từng có,
Mã âm tàng ẩn kín.
Vàng báu trang nghiêm thân,
Các tướng chói lẫn nhau.
Tuy mờ hôi như thường,
Song bụi đất không dính.
Như sắc trời mịn màng
Lọng trời tự nhiên che,
Phạm âm, thân vàng tía,
Như hoa vươn khỏi ao.
Vua bèn hỏi tướng sư
Tướng sư kính tâu vua
Ngợi khen tướng Bồ-tát,
Sáng chói khắp toàn thân,
Các gân khớp tay chân,
Trong ngoài đều hiện rõ.
Thực vị thấy vi diệu,
Thân ngay ngắn không vẹo,
Bánh xe hiện dưới chân,
Tiếng nói như chim oanh,

Tướng bắp đùi đầy đặn,
Ày do túc nghiệp thành.
Cùi chỏ tròn đầy đẹp,
Mày mắt rất đoan nghiêm,
Đáng Sư Tử giữa người,
Có oai lực hơn hết.
Hai má đều đầy đặn,
Nằm nghiêng như sư tử,
Bốn mươi răng đều đặn,
Dày khít không kẽ hở
Tiếng Phạm âm ít có,
Xa gần tùy duyên nghe.
Đứng thẳng thân không nghiêng,
Hai tay sờ đến gối,
Ngón tay đều, mềm mại,
Đủ các tướng tôn quý,
Mỗi chân lông một sợi,
Màng lưới kẽ tay chân,
Nhục kế, mắt xanh biếc,
Mắt trên dưới hai mí,
Hai vai ngang, tròn, đầy.
Đủ ba mươi hai tướng.
Gót chân không cao thấp,
Đùi thon như đùi nai,
Đáng Chí Tôn xuất hiện,
Như voi bút dây trời,
Độ chúng sanh thoát khổ,
Khỏi sanh già bệnh chết.
Ngài đem tâm đại bi,
Truyền dạy Bốn chân đế,
Diễn bày các pháp nghĩa,
Được mọi người tôn quý.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, lúc Phật Tỳ-bà-thi sinh ra, chư Thiên ở phía trên, giữa hư không, tay cầm lọng trắng, quạt báu, để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm”.”

Hiếm có trong loài người,
Đáng Lương Túc ra đời,
Được chư Thiên cung kính,
Dâng lọng báu, quạt báu.

“Bấy giờ, Phụ vương cấp bốn người vú: một, cho bú; hai, tắm rửa; ba, bôi hương; bốn, vui đùa. Họ vui vẻ nuôi nấng không hề biếng nhác”.

Nhũ mẫu lòng từ ái,
Nuôi dưỡng con mới sinh,
Cho bú và tắm rửa,
Bôi hương và vui đùa.
Hương bậc nhất trong đời,
Bôi xoa Đấng Chí Tôn.

“Lúc còn là đồng tử, con trai con gái cả nước ngấm nhìn Ngài không chán”.

Được nhiều người thương kính,
Như tượng vàng mới thành,
Trai gái cùng nhìn ngấm,
Nhìn mãi không biết chán.

“Lúc còn là đồng tử, con trai và con gái cả nước đều ẵm bồng, như ngấm hoa báu”.

Phật nói bài kệ:

Khi Lương Túc Tôn sanh,
Được nhiều người thương kính,
Chuyên tay nhau bồng ẵm,
Như ngấm hương hoa báu.

“Bồ-tát khi mới sanh mắt Ngài không nháy như chur Thiên trời Đao-lợi. Do cặp mắt không nháy mà có hiệu là Tỳ-bà-thi.”

Đấng Chí Tôn không nháy,
Như chur Thiên Đao-lợi,
Thấy sắc mà chánh quán,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.

“Bồ-tát khi sanh âm thanh của Ngài trong suốt êm dịu hòa nhã như tiếng chim Ca-la-tần-già “.”

Như chim trên núi Tuyết,
Uống nước hoa mà hót,
Đấng Lương Túc Tôn ấy,
Tiếng trong suốt cũng vậy.

“Bồ-tát khi mới sinh, mắt có thể nhìn thấy suốt một do-tuần.”

Do nghiệp quả thanh tịnh,

Ánh sáng trời màu nhiệm,
Mắt Bò-tát nhìn thấy,
Khắp suốt một do-tuần.

“Bò-tát khi sinh, tuổi lớn dần, ở tại Thiên chánh đường để khai hóa. Ân đức ban đến thứ dân, đức lớn đồn xa “.”

Thơ ấu, ở chánh đường,
Để khai hóa thiên hạ,
Quyết đoán các sự vụ,
Nên gọi Tỳ-bà-thi.
Trí thanh tịnh quảng bác,
Sâu thăm như biển cả,
Hài lòng với mọi người,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

“Một hôm, Bò-tát muốn ra khỏi thành để dạo chơi và quan sát, bèn ra lệnh sửa soạn xe báu để Ngài đi đến viên lâm tuần hành và du ngoạn. Người đánh xe sau khi sửa soạn xe báu xong, tâu Thái tử: Giờ đã đến lúc. Thái tử cưỡi xe báu đi đến khu vườn công cộng kia. Giữa đường Ngài gặp một người già, đầu bạc răng rụng, lưng còm, mặt nhăn, rung rinh trên chiếc gậy, thở khò khè theo nhịp bước khó khăn. Thái tử liền xoay hỏi quân hầu: Đó là người gì? Đáp rằng: Đó là người già. Lại hỏi:

Già là thế nào? Đáp: Già là người mà tuổi thọ sắp hết, không còn sống bao lâu nữa. Thái tử lại hỏi: Ta đây cũng sẽ như thế, không tránh khỏi họa này chăng? Đáp: Phạm đã có sinh tất có già, đâu kể chi sang hèn. Nghe vậy Thái tử buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ về nỗi già khô mà chính Ngài cũng chưa tránh khỏi”.”

Bấy giờ Phật bèn nói bài kệ:

Nhìn mạng già sắp chết,
Chống gậy bước đi run,
Bò-tát tự suy ngẫm,
Ta chưa khỏi nạn này.

“Bấy giờ Phụ vương hỏi quân hầu: Thái tử xuất du có vui không? Đáp: Không vui. Lại hỏi lý do: Tại sao vậy? Đáp: Tại giữa đường Ngài gặp người già nên không vui. Phụ vương mới âm thầm nhớ tới lời tướng sư ngày trước, đoán Thái tử sẽ xuất gia, nay Thái tử không vui, hẳn đúng như thế chăng? Ta hãy dùng mọi cách giữ Thái tử lại thâm cung, đem ngũ dục làm nguôi lòng Thái tử, để Thái tử đừng xuất gia. Nghĩ xong vua liền hạ lệnh trang sức cung quán, chọn hàng thê nữ để giúp vui Thái tử”.”

Phật lại nói bài tụng:

Phụ vương nghe lời ấy,

Sai trang hoàng cung quán,
Tặng thêm bằng ngũ dục,
Muôn để không xuất gia.

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và trên đường đi, Ngài gặp một người bệnh, thân gầy, bụng lớn, mày mặt sạm đen, nằm lãn trên như bản, không ai ngó ngang chăm sóc. Bệnh rất trầm trọng, miệng không thốt được một lời. Thái tử xoay lại hỏi quân hầu: Đó là người gì? Đáp: Đó là người bệnh. Hỏi: Bệnh là thế nào? Đáp: Bệnh là sự đau đớn bứt rứt, chết sống không biết lúc nào. Hỏi: Ta cũng sẽ như thế, chưa tránh khỏi cái hoạn này sao? Đáp: Phải. Phàm có sanh thì có bệnh, không kể gì sang hèn. Nghe vậy Thái tử trở nên buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe trở về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ tới cái khổ bệnh mà Ngài cũng không tránh khỏi.”

Rồi Phật nói bài kệ:

Nhìn người bệnh lâu kia,
Nhan sắc bị suy tổn.
Im lặng tự suy ngẫm
Ta chưa khỏi hoạn này.

“Bấy giờ, Phụ vương lại hỏi quân hầu: Thái tử đi dạo có vui không? Không vui. Quân hầu đáp. Tại sao thế? Tại giữa đường Ngài gặp người bệnh, nên không vui. Phụ vương âm thầm suy nghĩ: Ngày trước tướng sư xem tướng Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia. Ngày nay Thái tử không vui, hẳn đúng thế chăng? Ta sẽ tìm cách tặng thêm mọi thứ dục lạc làm nguôi lòng Thái tử khiến cho khỏi xuất gia”. Vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, chọn thêm thể nữ để giúp vui”.

Phật lại nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Vi diệu đáng ưa thích,
Bồ-tát phước tột cùng,
Nên sống trong hoan lạc.

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và giữa đường lần này, Ngài gặp một người chết, phan lùa nhiều màu dẫn đường trước sau; dòng họ thân quyến tiếc thương than khóc, đưa ra khỏi thành. Thái tử lại hỏi: Đó là người gì? Đó là người chết, quân hầu đáp. Hỏi: Chết là thế nào? Đáp: Chết tức là hết. Hết gió đến lửa cứ tiếp tục làm cho xác thân bại hoại. Kẻ còn kẻ mất đôi đường, gia đình ly biệt. Thái tử lại hỏi người đánh xe: Ta đây cũng sẽ như thế, chưa khỏi cái hoạn này chăng? Đáp: Phải. Phàm đã có sanh tất có chết, chẳng kể sang hèn. Nghe vậy Thái tử lại càng buồn bã không vui, bảo đánh xe về. Ngài trầm ngâm suy nghĩ tới cái chết khổ mà Ngài cũng không tránh khỏi.

Phật liền dạy bài kệ:

Vừa trông thấy người chết,
Biết họ còn tái sanh;

Thâm lặng tự suy nghĩ:
“Ta chưa khỏi hoạn này”.

“Phụ vương lại hỏi quân hầu: Thái tử đi dạo lần này có vui không?. -Không vui, quân hầu đáp.- Tại sao thế?. -Tại giữa đường Ngài gặp người chết, nên không vui. Phụ vương âm thầm suy nghĩ: Ngày trước tướng sư xem Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia, ngày nay Thái tử không vui, hẳn là đúng thế chăng? Ta hãy tìm cách tặng thêm các thứ kỹ nhạc để làm nguôi lòng Thái tử, khỏi xuất gia. Liên hạ lệnh trang sức cung cấm, chọn thêm thể nữ để khiến cho giúp vui”.

Tuổi thơ đã nổi tiếng,
Các thể nữ vây quanh,
Tự vui trong ngũ dục,
Như thú vui Thiên đê.

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và lần này giữa đường Ngài gặp một vị Sa-môn, mang y cầm bát, mắt ngó xuống đất, chân bước khoan thai. Thái tử liền hỏi quân hầu: Đó là người gì?. Đó là vị Sa-môn, quân hầu đáp. -Sao gọi là Sa-môn?. Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, lòng xót thương hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khó cũng không phiền, gặp vui cũng không mong, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn. Thái tử bèn nói: Lành thay, đó là đạo chân chính, tuyệt hẳn mọi trần lụy, vi diệu thanh hư. Chỉ có thể là khoái thích thôi! Thái tử liền bảo quân hầu đưa xe đến gần và hỏi Sa-môn rằng: Ông cắt tóc, cạo râu mang y cầm bát như vậy, chí ông muốn cầu chuyện gì? Sa-môn đáp: Phàm người xuất gia là cốt điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, kh ông làm điều nhiều hại, trong lòng rộng rang tịch mịch, chỉ có bề giữ đạo mà thôi”. Thái tử khen: Hay lắm! Đạo này rất chân chính. Liên bảo quân hầu: Mang áo trên bảo của Ta và xa giá về, tâu lại phụ vương biết rằng ngay tại đây, Ta sẽ cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vì Ta muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, giữ mình thanh tịnh để cầu Chánh đạo. Quân hầu liền đem xa giá và y phục của Thái tử về tâu lại phụ vương, còn Thái tử thì cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo”.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Thái tử nhân thấy người già, bệnh mà thấu rõ cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết mà lòng tham luyến thế gian tiêu tan; nhân thấy vị Sa-môn mà tâm được hoá nhiên đại ngộ. Trong khi Thái tử xuống xe bước đi, cứ mỗi bước tiến tới là mỗi bước rời xa trần phược. Thế ấy là chân xuất gia, chân viễn ly.

“Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe Thái tử đã cạo bỏ râu tóc, mang y cầm bát, xuất gia hành đạo, họ bảo nhau rằng: Đạo ấy chắc là đạo chân chính, mới khiến Thái tử từ bỏ vương vị vinh hoa cùng mọi sự quý trọng để đi theo. Lúc ấy có tới tám vạn bốn ngàn84000 người trong nước đến xin Thái tử cho làm đệ tử xuất gia tu đạo”.

Lựa chọn pháp thâm diệu,
Nghe xong liền xuất gia,
Thoát khỏi ngục ân ái,

Không còn các trói buộc.

“Thái tử bèn thâm nhận, cho cùng đi theo giáo hóa khắp nơi, từ thôn này sang thôn khác, từ nước nọ đến nước kia. Họ đến chỗ nào cũng được cung kính, cúng dường tứ sự. Bồ-tát nghĩ rằng: Ta cùng đại chúng thường đi qua các nước, chỗ nhân gian ồn ào, việc này không thích hợp với ta lắm. Lúc nào ta mới xa được đám đông này ở chỗ nhàn tịnh mà suy tầm đạo lý?”

“Ngài liền theo ý nguyện đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong hôn ám, thọ thân nguy khốn, mong manh, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo cái khổ ám đó mà trôi nổi không biết bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ ám, diệt hết sanh già chết?”

“Ngài lại suy nghĩ rằng: Sanh từ từ đâu, duyên đâu mà có ra? Liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sanh mà có già và chết; sanh là duyên của già chết. Sanh lại do hữu mà có; hữu là duyên của sanh. Hữu do thủ mà có; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà có; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà có; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà có; xúc là duyên của thọ. Xúc do lục nhập mà có; lục nhập là duyên của xúc. Lục nhập do danh sắc mà có; danh sắc là duyên của lục nhập. Danh sắc do thức mà có; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà có, hành là duyên của thức. Hành do si mà có, si là duyên của hành. Thế tức là do duyên là si có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có lục nhập, do duyên là lục nhập có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sanh, do duyên là sanh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Cái ám thân đầy dẫy khổ não này do duyên là sanh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ.”

“Khi Bồ-tát suy nghĩ tới cái khổ tập ám ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ.”

“Bồ-tát lại suy nghĩ: Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt? Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt.”

“Khi Bồ-tát suy nghĩ về khổ ám diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng.”

“Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề “.”

Phật bèn nói bài tụng:

Lời này nói giữa chúng,
Các người nên lắng nghe.
Bồ-tát quá khứ quán
Mà vốn chưa từng nghe:
“Già chết từ duyên gì,
Nhân gì mà có ra?
Quán sát đúng như vậy,
Biết già chết do sanh;
Sanh lại từ duyên gì,
Nhân gì mà có ra?
Suy nghĩ đúng như vậy,
Liên biết sanh do hữu;
Chấp thủ, chấp thủ rồi,
Hữu lần lượt chông chắt.
Vậy nên Như Lai dạy:
Thủ là duyên của hữu.
Như đồng chứa dơ bẩn.
Gió thổi, ác tuôn chảy,
Như vậy nhân của thủ,
Do ái mà rộng sâu.
Ái do từ thọ sanh,
Nảy sinh gốc lưới khổ,
Vì nhân duyên nhiễm trước,
Cùng tương ưng khổ lạc.
Thọ vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thọ?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết thọ do xúc sanh.
Xúc vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có xúc?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết xúc từ lục nhập.
Lục nhập do duyên gì,
Nhân gì có lục nhập?
Suy nghĩ như vậy, biết,
Lục nhập do danh sắc.
Danh sắc do duyên gì,
Nhân gì có danh sắc?
Suy nghĩ như vậy biết

Danh sắc từ thức sanh.
Thức vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thức?
Suy nghĩ như vậy rồi,
Biết thức từ hành sanh;
Hành vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có hành?
Suy nghĩ như vậy rồi
Biết hành từ si sanh.
Nhân duyên như vậy đó,
Mới thật nghĩa nhân duyên.
Dùng trí tuệ phương tiện,
Quán thấy gốc nhân duyên.
Khổ không do Thánh hiền,
Cũng không phải vô có.
Nên với khổ biến dịch,
Kẻ trí lo đoạn trừ.
Nếu vô minh dứt sạch,
Lúc đó không còn hành.
Nếu đã không có hành,
Thời cũng không có thức;
Nếu thức hết vĩnh viễn,
Thì danh sắc không còn.
Danh sắc đã dứt rồi,
Làm gì có lục nhập.
Nếu lục nhập trọn dứt,
Thời cũng không có xúc.
Nếu xúc đã dứt hẳn,
Thời cũng không có thọ.
Nếu thọ dứt hết rồi,
Thời cũng không có ái
Nếu ái dứt hết rồi
Thời cũng không có thủ.
Nếu thủ đã dứt rồi,
Thời cũng không có hữu.
Nếu hữu dứt hết rồi,
Thời cũng không có sanh.
Nếu sanh dứt hết rồi,
Thời không khổ già chết.
Hết thấy đều dứt sạch.
Đó lời người trí nói.
Mười hai duyên sâu xa,
Khó thấy khó hiểu biết
Duy Phật mới biết rõ,

Tại sao có, sao không.
Nếu hay tự quán sát,
Thời không còn các nhập.
Người thấu triệt nhân duyên
Không cần tìm thầy ngoài.
Đối với âm, giới, nhập,
Lìa dục, không, nhiệm trước;
Xứng đáng nhận bồ thí;
Thí chủ được báo lành.
Nếu đặng bốn biện tài,
Thành tựu quyết định chứng;
Giải trừ mọi ràng buộc,
Đoạn trừ, không buông lung.
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Giống như xe cũ mục;
Quán rõ được như vậy,
Thời thành Bạc Chánh Giác.
Như chim bay giữa không,
Đông tây theo ngọn gió;
Bồ-tát đoạn kết sử,
Như gió thổi áo nhẹ.
Tỳ-bà-đi tịch tịnh,
Quán sát rõ các pháp;
Già chết duyên đâu có,
Từ đâu già chết dứt,
Ngài quán như vậy rồi,
Phát sanh trí thanh tịnh,
Biết già chết do “sanh”
Sanh dứt, già chết dứt.

“Lúc Phật Tỳ-bà-đi vừa mới thành đạo, Ngài tu tập nhiều về hai phép quán là An ãn quán và Xuất ly quán “.”

Phật liền dạy bài tụng:

Như Lai, Bạc Tối Thượng,
Thường tu hai phép quán,
An ãn và Xuất ly,
Đại Tiên sang bờ kia,
Tâm Ngài được tự tại,
Đoạn trừ mọi kết sử
Lên núi nhìn bốn phương,
Nên hiệu Tỳ-bà-đi.
Ánh đại trí trừ tối,

Như gương sáng soi mình.
Trừ ưu khổ cho đời.
Dứt khổ sanh già chết.

“Phật Tỳ-bà-thi, lại ở chỗ nhàn tịnh suy nghĩ như vậy: “Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu là pháp khó thấy khó hiểu, tịch tĩnh, thanh tịnh, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được. Bởi vì chúng sanh có những nhãn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo tập quán của mình, cho nên đối với lý nhân duyên thậm diệu này chúng còn không thể thấu hiểu, huống chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta đâu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi còn trở lại gây phiền nhiễu”. Suy nghĩ như thế rồi, Ngài im lặng không muốn thuyết pháp.

“Lúc ấy vị vua trời Phạm thiên, biết Đức Tỳ-bà-thi đã nghĩ gì, liền tự nhủ: Cõi thế gian này đang bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Đức Phật Tỳ-bà-thi vừa chứng được pháp mầu như thế mà không muốn nói ra. Tức thì, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi tay, từ cung Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đến trước mặt Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui một bên, rồi đầu gối mặt quý sát đất, chấp tay bạch rằng: Ngưỡng mong Đức Thế Tôn kịp thời thuyết pháp. Các chúng sanh hiện nay, trần cấu mỏng nhẹ, các căn lanh lợi nhiều, có lòng cung kính, dễ bề khai hóa. Chúng đã biết sợ những tội lỗi không ai cứu trong tương lai, biết dứt trừ điều ác, phát sinh điều lành.

“Phật bảo Phạm vương: Thật vậy, thật vậy, đúng như lời người nói. Nhưng ta ở chỗ nhàn tịnh, thâm lặng suy nghĩ: Chánh pháp ta vừa chứng được vi diệu thậm thâm, nếu đem nói cho chúng sanh, chắc họ không hiểu nổi lại sanh tâm báng bỏ, nên ta mặc nhiên không muốn thuyết pháp. Ta nhờ từ vô số a-tăng-kỳ kiếp cần khổ không biếng nhác tu tập những hạnh vô thượng, nay mới chứng ngộ được pháp khó chứng ngộ này, nếu vì hạng chúng sanh còn dâm, nộ, si mà nói ra, chắc chúng không làm theo, chỉ thêm luống uổng. Pháp vi diệu này trái nghịch với đời. Chúng sanh bị dục nhiễm ngu si che ngăn không tin hiểu nổi. Nay Phạm vương, Ta thấy rõ như thế, nên mặc nhiên không muốn thuyết pháp.

“Khi ấy, Phạm vương lại ân cần khẩn thiết thưa thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng: Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp, thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn, kịp thời giảng dạy, chớ để chúng sanh sa đọa đường mê.

“Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng, căn tánh có lanh lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa. Hạng người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly, có cái vừa ra khỏi bùn nhưng chưa tới mặt nước, có cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị dính bùn, mà dễ dàng nở ra. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

“Đức Thế Tôn bảo Phạm vương: Ta vì thương tưởng các ông sẽ khai diễn pháp môn cam lộ là pháp thâm diệu khó hiểu, khó biết. Nay vì những người tín thọ, muốn nghe, mà nói chứ không phải vì hạng người bài bác vô ích.

“Phạm vương biết Phật đã nhận lời thỉnh cầu, nên vui mừng hớn hở đi quanh Phật ba vòng, cúi đầu đánh lễ rồi biến mất.

“Phạm vương đi chưa bao lâu, Đức Như Lai lại tĩnh mặc suy nghĩ: Nay ta nên nói pháp cho ai trước hết? Rồi Ngài lại suy nghĩ: Ta hãy đi vào thành Bàn-đầu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho vương tử Đề-xá và con đại thần là Khiên-đồ. Rồi thì, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Thế Tôn bỗng biến mất khỏi cây đại thọ, Ngài đã đến thành Bàn-đầu, vào vườn Lộc dã của vua Bàn-đầu, trải tọa rồi ngồi.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Như sư tử trong rừng,
Mặc tình mà đi dạo.
Phật kia cũng như vậy,
Du hành không trở ngại.

“Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: Người hãy vào thành báo với vương tử Đề-xá và Khiên-đồ con đại thần rằng: Các ngài có biết không, Đức Phật Tỳ-bà-thi hiện ở trong vườn Lộc dã, muốn gặp các ngài? Các ngài nên biết bây giờ là phải thời. Người giữ vườn vâng mệnh tìm đến chỗ hai người trình đủ những điều Phật dạy. Hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho họ nghe, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên; dục là xấu ác, bất tịnh; phiền não là nguy hiểm ; tán dương sự xuất ly là pháp rất vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Phật thấy hai người đã có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tin vui, đủ sức lãnh thọ chánh pháp, thì dạy tiếp về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, mở bày rành rẽ về Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ vương tử Đề-xá và con trai đại thần là Khiên-đồ ngay tại chỗ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu.

“Lúc ấy, địa thần bèn xưng lên rằng: Đức Tỳ-bà-thi Như Lai ở vườn Lộc dã, thành Bàn-đầu, chuyển Pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các Người thế gian khác không thể chuyển được. Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, rồi trong khoảnh khắc vang đến cõi Phạm thiên “.”

Phật liền dạy bài kệ:

Tâm vui mừng hớn hở,
Xưng tán Đức Như Lai.
Tỳ-bà-thi thành Phật,
Chuyển Pháp luân vô thượng.
Bắt đầu từ đạo thọ,

Đi đến thành Bàn-đầu.
Vì Đề-xá, Khiên-đồ
Chuyển Pháp luân Tứ đế.
Đề-xá và Khiên-đồ
Nghe xong lời Phật dạy
Ở trong pháp thanh tịnh
Được phạm hạnh tối cao.
Thiên chúng trời Đao-lợi
Cho đến Thiên Đế Thích,
Vui mừng bảo lẫn nhau,
Nghe khắp cả chư Thiên:
Phật xuất hiện thế gian,
Chuyển Pháp luân vô thượng;
Tăng thêm hàng chư Thiên;
Giảm bớt A-tu-la.
Đấng Thế Tôn danh vang
Thiện trí lia thế biên.
Tự tại đối các pháp,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Quán sát pháp bình đẳng,
Tâm dứt sạch cấu bẩn,
Để lia ách sanh tử,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Diệt khổ lia các ác,
Ly dục được tự tại,
Xa lia ngục ái ân,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đấng Chánh Giác Tối Tôn,
Đấng Điều Ngự Lưỡng Túc,
Giải thoát mọi ràng buộc,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đạo Sư khéo giáo hóa,
Hay uốn dẹp oán ma,
Xa lia mọi điều ác,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Sức vô lậu hàng ma,
Các căn định, không lười,
Lậu tận, lia ma trói,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Nếu học pháp quyết định,
Biết các pháp vô ngã,
Đó là pháp cao tột,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Không vì cầu lợi dưỡng

Cũng chẳng vì danh dự,
Chỉ vì thương chúng sanh,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Thấy chúng sanh khổ ách,
Già, bệnh, chết bức bách,
Vì ba đường ác đó,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đoạn tham, sân nhuế, si;;
Nhỏ sạch gốc tham ái,
Được giải thoát bất động,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Ta thắng việc khó thắng
Thắng để tự hàng phục,
Đã thắng ma khó thắng,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Pháp luân vô thượng đó,
Chỉ Phật hay chuyển nói.
Hàng Thiên, Ma, Thích, Phạm,
Không ai chuyển nói được.
Thân cận chuyển Pháp luân,
Làm ích lợi Thiên, Nhân;
Bậc Thiên Nhân Sư đó,
Đã vượt đến bờ kia.

“Lúc ấy vương tử Đề-xá và công tử Khiên-đồ đã thấy pháp, đắc quả, chân thật không dối thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu phạm hạnh. Phật nói: Hãy đến đây, Tỳ-kheo. Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy tự mình tu hành để dứt trừ hết thống khổ. Ngay lúc ấy hai người liền đắc Cụ túc giới. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới, tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Vô nghi trí.

“Bấy giờ số đông nhân dân ở thành Bàn-đầu nghe hai người xuất gia học đạo, mang y cầm bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói nhau rằng: Đạo ấy chắc là đạo chân thật, mới khiến các người kia bỏ vinh vị ở đời, bỏ các thứ quý trọng để tu theo. Rồi thì, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi đến vườn Lộc dã, chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ ; nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên; chỉ rõ dục là xấu ác bất tịnh phiền não là nguy hiểm tán thán sự xuất ly là vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn thấy đại chúng có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tín thọ, đủ sức lãnh thọ Chánh pháp, Ngài liền nói về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, công bố Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Ngay tại chỗ, cả bốn vạn tám ngàn người đều xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu. Họ được thấy pháp chứng quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: Chúng con muốn ở trong giáo pháp Như Lai mà tịnh tu phạm hạnh. Phật dạy: Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy theo đó tu hành để dứt trừ thống khổ. Khi đó tám vạn bốn ngàn người đều đắc Cụ túc giới. Đắc giới chưa bao lâu Như Lai lại thị hiện ba

việc để giáo hóa: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới. Họ tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Trí vô nghi.

“Hiện tiền có tám vạn bốn ngàn người khác, nghe Phật ở trong vườn Lộc dã chuyển Pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên”.

Phật lại nói bài tụng:

Như người cứu đầu cháy,
Nhanh chóng tìm chỗ dập;
Người kia cũng như vậy,
Vội đến trước Như Lai.

“Phật cũng vì họ nói pháp như trước.

“Đến lúc này tại thành Bàn-đầu đã có mười sáu vạn tám ngàn vị Đại Tỳ-kheo. Tỳ-kheo Đề-xá và Tỳ-kheo Khiên-đồ ở trong đại chúng bỗng bay lên không trung, thân phóng xuất nước lửa, hiện các thần thông biến hóa, nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Bảy giờ Đức Như Lai thâm nghĩ: Nay tại trong thành này đã có mười sáu vạn tám ngàn Đại Tỳ-kheo, ta nên sai đi du hóa; chớ đi hai người một nhóm, đến khắp các nơi, đứng sáu năm lại trở về thành này để thuyết Cụ túc giới.

“Bảy giờ, trời Thủ-đà-hội biết được tâm tư của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời kia mà hiện đến nơi này, đến trước Đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, đứng lại một bên; giây lát, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thật như vậy, trong thành Bàn-đầu này có nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp mọi nơi, đứng sáu năm sẽ trở lại thành này để thuyết giới, con sẽ ủng hộ, khiến không ai tìm cơ hội phá khuấy các vị được. Như Lai sau khi nghe lời ấy, làm thỉnh nhận lời. Trời Thủ-đà-hội thấy Phật làm thỉnh nhận lời, đánh lễ Phật xong, bỗng biến trở lại cõi trời. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay trong thành này Tỳ-kheo đã đông, nên mỗi người phân bố đi mỗi hướng du hành giáo hóa. Sau sáu năm hãy trở về tập họp thuyết giới. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, mang y cầm bát, đánh lễ Phật rồi đi”.

Phật bèn nói bài tụng:

Phật sai chúng không loạn,
Ly dục, không luyến ái,
Oai như chim kim sí;
Như hạc bỏ ao hoang.

“Sau đó một năm, trời Thủ-đà-hội nhắc lại các Tỳ-kheo: Các ngài đi du hóa đã qua một năm, còn năm năm nữa, các ngài nên nhớ trọn sáu năm rồi hãy nhóm về thành mà thuyết giới. Cứ như thế, đến năm thứ sáu, trời lại nhắc rằng: Sáu năm đã mãn, nên trở về thành mà thuyết giới. Các Tỳ-kheo nghe lời nhắc xong, thu xếp y bát, trở lại thành Bàn-đầu, đến Lộc dã chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lui một bên”.

Phật nói bài tụng:

Như voi khéo huấn luyện,
Tùy ý sai khiến đi;
Đại chúng cũng như vậy,
Vâng lời mà trở về.

“Bấy giờ, ở trước mặt đại chúng, Như Lai bay lên không trung, ngồi kiết già, giảng nói giới kinh:

Nhẫn nhục là bậc nhất,
Niết-bàn là tối thượng,
Cạo tóc, não hại người,
Không phải là Sa-môn.

“Trời Thủ-đà-hội lúc ấy ở cách Phật không xa, dùng bài kệ tán Phật rằng:

Như Lai đại trí,
Vi diệu độc tôn,
Chỉ quán đầy đủ,
Thành Tội chánh giác.
Vì thương quần sanh,
Ở đời thành Đạo.
Đem Bốn chân đế
Dạy hàng Thanh-văn.
Khổ cùng khổ nhân,
Chân lý diệt khổ;
Tám đạo Thánh hiền;
Đưa đến an lạc.
Phật Tỳ-bà-thi
Xuất hiện thế gian;
Ở giữa đại chúng
Như ánh mặt trời.

“Nói xong bài kệ, bỗng nhiên biến mất.”

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại, thuở xưa, khi ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, có một lần sinh tâm nghĩ rằng: Chỗ Ta sinh ra, đâu đâu cũng có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Giả sử Ta sanh cõi trời kia, thời đã không trở lại đây.

“Này các Tỳ-kheo, khi ấy Ta lại nghĩ rằng: khi Ta muốn đến cõi trời Vô tạo, tức thì trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, Ta biến mất ở đây mà hiện ở kia. Chư Thiên lúc đó thấy ta đến,

liền đánh lễ, đứng lại một bên, bạch với ta rằng: Chúng con đều là đệ tử Đức Phật Tỳ-bà-thi. Chúng con nhờ sự giáo hóa của Ngài mà được sanh đến cõi này. Rồi họ kể đủ nhân duyên gốc ngọn của Đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ lại nói: Các Đức Phật Thi-khí, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca Mâu-ni, thầy đều là Thầy của con. Con chịu sự giáo hóa ấy mà sinh ở đây. Họ cũng nói nhân duyên bản mặt chư Phật. Cho đến chư Thiên ở cõi trời A-ca-nị-trá, cũng kể với ta như thế “.”

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

Ví như lực sĩ,
Co duỗi cánh tay
Ta, bằng thần thông,
Đến trời Vô tạo.
Đại Tiên thứ bảy,
Hàng phục hai ma,
Vô nhiệt vô kiên
Chấp tay kính lễ.
Nhu cây trú đạc
Tiếng đồn Thích Sư,
Tướng tốt đầy đủ,
Đến trời Thiện kiến.
Ví như hoa sen,
Không bị dính nước.
Thế Tôn vô nhiễm,
Đến Đại thiện kiến.
Mặt trời mới mọc,
Không chút bụi che;
Sáng như trăng thu,
Đến Nhất cứu cánh.
Năm Tịnh cư này,
Chúng sanh hành tịnh,
Tâm tịnh nên đến
Trời không phiền não.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật.
Xả ly nhiễm thủ,
Vui nơi vô thủ,
Thấy pháp quyết định,
Đệ tử Tỳ-bà-thi.
Tịnh tâm mà đến
Với Đại Tiên Nhân.
Đệ tử Thi-khí
Vô cầu, vô vi.
Tịnh tâm mà đến
Với Đấng Ly Hữu.

Đệ tử Tỳ-xá,
Các căn đầy đủ.
Tịnh tâm đến Ta,
Như mặt trời chiếu.
Con Câu-lưu-tôn,
Xả ly các dục.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng màu rực ánh.
Đệ tử Câu-na-hàm,
Vô cầu vô vi.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng như trăng đầy.
Đệ tử Ca-diếp,
Các căn đầy đủ.
Tịnh tâm đến Ta,
Như bắc thiên niệm
Đại Tiên bất loạn.
Thần túc bậc nhất,
Bằng tâm kiên cố,
Làm đệ tử Phật.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật;
Kính lễ Như Lai,
Kể rõ Chí Tôn,
Chỗ sinh, thành đạo,
Danh tánh, chủng tộc,
Tri kiến thâm pháp,
Thành đạo Vô thượng.
Tỳ-kheo nơi vắng,
Xa lìa bụi dơ,
Siêng năng không lười.
Đoạn chur hữu kết
Ày là nhân duyên,
Sự tích chur Phật,
Mà được diễn giải,
Bởi Đức Thích-ca.

Phật nói kinh “Đại nhân duyên” xong. Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật nói hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

- Nguồn dữ liệu buddhanet.net

Ấn bản điện tử bởi **đạo hữu HDC và nhóm Phật tử**

Bình Anson biên tập, dựa theo bản Anh ngữ "The Long Discourses of the Buddha", Maurice Walshe dịch, 1987.

Dò soát chính tả và hiệu đính bản vi tính bởi **Tỳ khưu Hộ Giới, đạo hữu TĐH và đạo hữu NQ.**

Cập nhật dữ liệu website bởi **Bình Anson**, 2004-2007.

- Định dạng ebook bởi **namo84000.org**